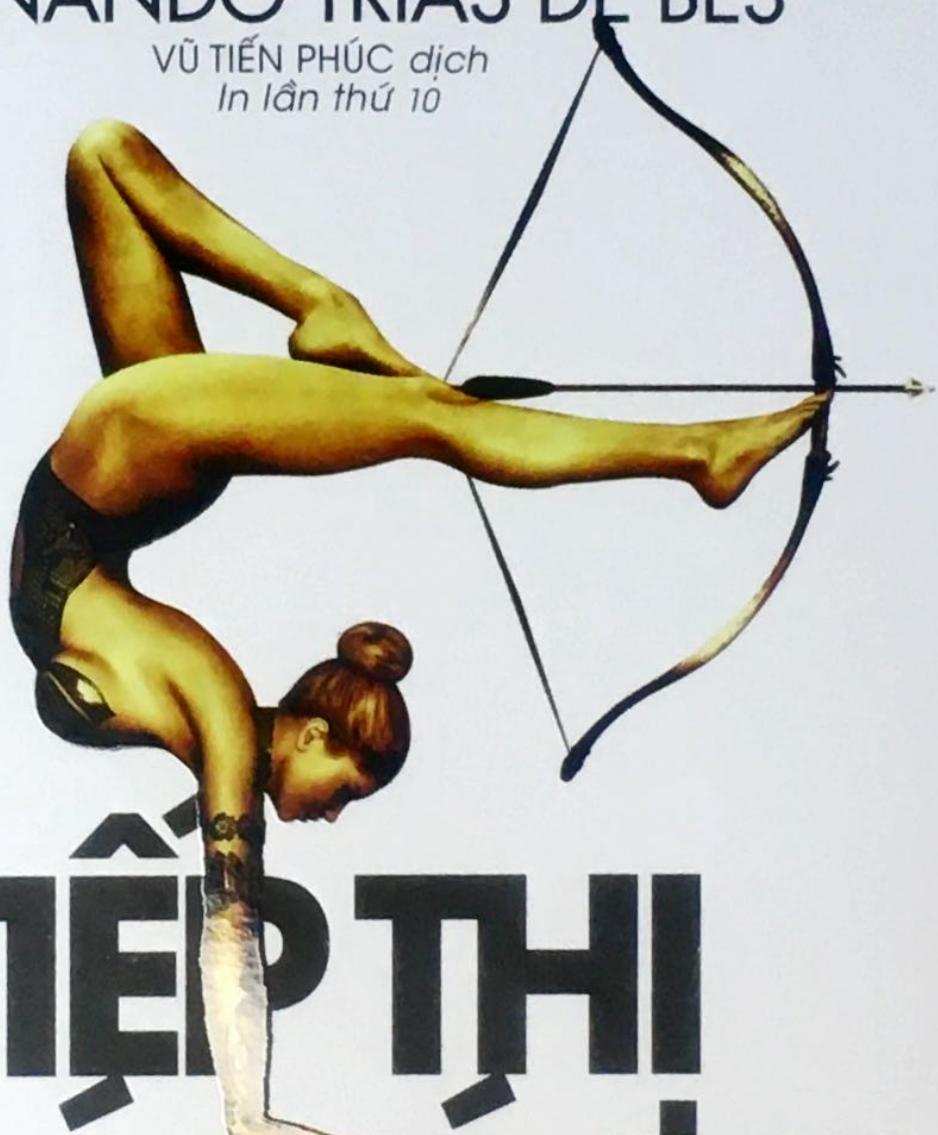


PHILIP KOTLER
FERNANDO TRIAS DE BES

VŨ TIẾN PHÚC dịch
In lần thứ 10



TIẾP THỊ PHÁ CÁCH

KỸ THUẬT MỚI ĐỂ TÌM KIẾM
NHỮNG Ý TƯỞNG ĐỘT PHÁ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

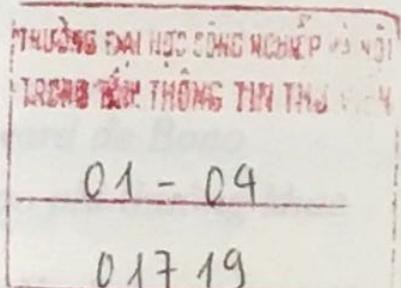
Tiếp thị phá cách

*Kỹ thuật mới để tìm kiếm
những ý tưởng đột phá*

Tác giả

PHILIP KOTLER

FERNANDO TRIAS DE BES



Người dịch

VŨ TIỀN PHÚC

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
THỜI BÁO KINH TẾ SÀI GÒN

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

xv

| | | |
|---|---|----------|
| 1 | Sự tiến hóa của các thị trường và những động lực của sự cạnh tranh | 1 |
| 1.1 | Việc phân phối tập trung các mặt hàng tiêu dùng có bao bì phát triển rất mạnh | 3 |
| 1.2 | Số đối thủ cạnh tranh ít đi, nhưng số thương hiệu lại tăng mạnh | 4 |
| 1.3 | Chu kỳ sống của sản phẩm bị rút ngắn lại rất nhiều | 6 |
| 1.4 | Thay cái mới rẻ hơn sửa lại cái cũ | 7 |
| 1.5 | Kỹ thuật số đã kích thích cuộc cách mạng trong các thị trường | 9 |
| 1.6 | Số nhãn hiệu và bằng sáng chế đang tăng lên | 10 |
| 1.7 | Số lượng chủng loại của một sản phẩm tăng vượt bậc | 10 |
| 1.8 | Các thị trường bị chia nhỏ quá mức | 12 |
| 1.9 | Quảng cáo bao hòa đến đỉnh điểm, phương tiện truyền thông đại chúng bị chia nhỏ gây khó khăn cho việc đưa ra sản phẩm mới | 12 |
| 1.10 | Ngày càng khó chiếm được chỗ trong tâm trí khách hàng | 14 |
| Kết luận: Các thị trường ngày càng cạnh tranh hơn | | 15 |

Mục lục

Tóm tắt

17

| | | |
|----------|--|-----------|
| 2 | Điểm mạnh và điểm yếu của tư duy tiếp thị truyền thống | 19 |
| 2.1 | Xuất phát điểm là xác định nhu cầu | 21 |
| 2.2 | Xác định thị trường | 23 |
| 2.2.1 | Lựa chọn một thị trường | 23 |
| 2.2.2 | Cách phân loại thị trường chính và thị trường phân nhánh của các nhà tiếp thị | 25 |
| 2.2.3 | Quan điểm coi thị trường là cố định dẫn đến sự phân khúc thị trường | 29 |
| 2.3 | Các chiến lược cạnh tranh dựa vào phân khúc thị trường và định vị | 30 |
| 2.3.1 | Phân khúc thị trường | 31 |
| 2.3.2 | Định vị như là một chiến lược tạo ra các lợi thế cạnh tranh | 36 |
| 2.4 | Sự phát triển của tổ hợp tiếp thị: Cái duy nhất được nhìn thấy | 38 |
| | Tóm tắt | 41 |
| 3 | Những sáng kiến xuất phát từ bên trong một thị trường: Cách phổ biến nhất để tạo ra sáng kiến | 43 |
| 3.1 | Sáng kiến dựa vào sự biến điệu | 46 |
| 3.2 | Sáng kiến dựa vào kích cỡ | 48 |
| 3.3 | Sáng kiến dựa vào bao bì | 50 |
| 3.4 | Sáng kiến dựa vào thiết kế | 52 |

Mục lục

| | | |
|----------|---|-----------|
| 3.5 | Sáng kiến dựa vào phát triển các thành phần bổ sung | 53 |
| 3.6 | Sáng kiến dựa vào giảm thiểu nỗ lực | 55 |
| Tóm tắt | | 57 |
| 4 | Những sáng kiến xuất phát từ bên ngoài một thị trường: Một cách khác để tạo ra sáng kiến | 63 |
| 4.1 | Bài học kinh nghiệm từ các thanh ngũ cốc | 65 |
| 4.2 | Bài học kinh nghiệm của Kinder Surprise | 67 |
| 4.3 | Bài học kinh nghiệm của 7-Eleven Nhật bản | 70 |
| 4.4 | Bài học kinh nghiệm từ Actimel của Dannon | 71 |
| 4.5 | Bài học kinh nghiệm đặt cửa hàng thực phẩm tại trạm xăng | 73 |
| 4.6 | Bài học kinh nghiệm từ khái niệm cà phê Internet | 74 |
| 4.7 | Bài học kinh nghiệm “Hãy làm cha đỡ đầu cho một đứa trẻ” | 76 |
| 4.8 | Bài học kinh nghiệm từ cuộc thi truyền hình “Người anh cả” | 77 |
| 4.9 | Bài học kinh nghiệm của hãng tã lót Huggies | 78 |
| 4.10 | Bài học kinh nghiệm của hãng búp bê Barbie | 80 |
| 4.11 | Bài học kinh nghiệm của Walkman | 81 |
| Tóm tắt | | 83 |
| 5 | Tiếp thị phá cách là sự bổ sung cần thiết cho tiếp thị truyền thống | 85 |
| 5.1 | So sánh các cơ sở của tiếp thị truyền thống và tiếp thị phá cách | 90 |

Mục lục

| | | |
|----------|---|------------|
| 5.2 | So sánh các phương thức hoạt động của tiếp thị phá cách và tiếp thị truyền thống | 92 |
| 5.3 | So sánh hiệu quả kích thích thị trường của tiếp thị phá cách và tiếp thị truyền thống | 95 |
| 5.4 | Nguồn gốc của khối lượng thị trường | 97 |
| 5.5 | Các tình huống thích hợp hơn cho mỗi phương pháp tiếp thị | 99 |
| 5.6 | Trách nhiệm sáng tạo trong các thị trường | 104 |
| Tóm tắt | | 105 |
| 6 | Định nghĩa quá trình tiếp thị phá cách | 109 |
| 6.1 | Định nghĩa tiếp thị phá cách | 111 |
| 6.1.1 | Mục đích của tiếp thị phá cách | 112 |
| 6.2 | Logic của sự sáng tạo | 112 |
| 6.3 | Sự giống nhau giữa óc khôi hài và tư duy sáng tạo | 116 |
| 6.4 | Tầm quan trọng của sự hiểu biết logic của sự sáng tạo | 117 |
| 6.5 | Ba bước của tiếp thị phá cách | 118 |
| 6.5.1 | Lựa chọn một sản phẩm hay dịch vụ | 119 |
| 6.5.2 | Bước 1: Lựa chọn một tiêu điểm trong quá trình tiếp thị | 120 |
| 6.5.3 | Bước 2: Tạo ra một kẽ hở tiếp thị | 130 |
| 6.5.4 | Bước 3: Thực hiện sự liên kết | 137 |
| 6.6 | Đầu ra cuối cùng của quá trình tiếp thị phá cách | 146 |
| 6.7 | Những ví dụ từ Chương 4 trong khuôn khổ tiếp thị phá cách | 150 |

Mục lục

| | | |
|----------|---|------------|
| 7 | Tiếp thị phá cách ở mức độ thị trường | 153 |
| 7.1 | Kỹ thuật thực tế nhất là thay đổi thông số | 155 |
| 7.2 | Các thông số cần thay đổi: Khái niệm và ví dụ | 156 |
| 7.2.1 | Thay đổi nhu cầu: Tạo ra giá trị sử dụng khác | 156 |
| 7.2.2 | Thay đổi mục tiêu: Một người, nhiều người, hay một nhóm người | 158 |
| 7.2.3 | Thay đổi thời gian: Lựa chọn thời điểm mới | 160 |
| 7.2.4 | Thay đổi địa điểm: Chuyển sản phẩm đến địa điểm mới | 162 |
| 7.2.5 | Thay đổi tình huống: Gắn sản phẩm với một sự kiện cụ thể | 164 |
| 7.2.6 | Thay đổi hoạt động: Đặt sản phẩm vào một hoạt động cụ thể | 166 |
| 7.3 | Gắn sản phẩm với thông số mới | 167 |
| 7.3.1 | Tạo ra sự gắn kết mà không làm thay đổi sản phẩm | 168 |
| 7.3.2 | Tạo ra sự gắn kết bằng cách thay đổi sản phẩm | 169 |
| 7.4 | Một ví dụ hoàn chỉnh: Đề xuất một khái niệm kinh doanh mới | 170 |
| 7.5 | Các kỹ thuật phụ trợ để thay thế mức độ thị trường | 171 |
| 7.5.1 | Liên kết thông số “Địa điểm” | 172 |
| 7.5.2 | Đảo lại thứ tự thông số “Thời gian” | 173 |
| 7.5.3 | Cường điệu hóa thông số “Địa điểm” | 173 |
| 7.5.4 | Đảo ngược thông số “Nhu cầu” | 174 |
| 7.5.5 | Đảo ngược thông số “Mục tiêu” | 174 |

Mục lục

| | |
|---|------------|
| 7.5.6 Loại bỏ thông số “Thời gian” | 175 |
| 8 Tiếp thị phá cách ở mức độ sản phẩm | 177 |
| 8.1 Cơ sở lý luận của việc áp dụng tiếp thị phá cách ở mức độ sản phẩm | 179 |
| 8.2 Mô hình một sản phẩm | 181 |
| 8.3 Lựa chọn các cửa đi vào | 182 |
| 8.3.1 Lựa chọn các yếu tố neo giữ tự nhiên làm điểm xuất phát | 182 |
| 8.3.2 Lựa chọn các yếu tố khác làm điểm xuất phát | 183 |
| 8.4 Áp dụng sự thay thế phá cách: Khái niệm và ví dụ | 184 |
| 8.4.1 Sự thay thế | 184 |
| 8.4.2 Sự liên kết | 186 |
| 8.4.3 Sự đảo ngược | 188 |
| 8.4.4 Sự loại bỏ | 190 |
| 8.4.5 Sự cường điệu hóa | 192 |
| 8.4.6 Đảo lại thứ tự | 195 |
| 8.5 Gắn liền một thị trường khả dĩ với sản phẩm mới | 197 |
| 8.5.1 Tìm ra một tập hợp khả dĩ | 197 |
| 8.5.2 Rút ra những cái tích cực | 198 |
| 8.5.3 Tưởng tượng ra một quá trình mua sắm | 198 |
| 8.6 Sản phẩm cần điều chỉnh lại | 199 |
| 8.7 Một ví dụ hoàn chỉnh: Chiếc xe ô-tô hai tầng | 199 |
| 9 Tiếp thị phá cách ở mức độ tổ hợp tiếp thị | 201 |
| 9.1 Hiệu quả của tiếp thị phá cách ở mức độ tổ hợp | 203 |

Mục lục

| | | |
|-----------------|---|------------|
| 9.2 | Tiếp thị phá cách nhằm đa dạng hóa tổ hợp tiếp thị: “Lấy tổ hợp tiếp thị của các sản phẩm khác” | 204 |
| 9.2.1 | Định giá | 205 |
| 9.2.2 | Hệ thống phân phối | 207 |
| 9.2.3 | Thông tin liên lạc | 209 |
| 9.3 | Tiếp thị phá cách nhằm tìm kiếm công thức tổ hợp tiếp thị mới: Phần còn lại của các thay thế phá cách | 210 |
| 9.3.1 | Sự liên kết | 211 |
| 9.3.2 | Sự đảo ngược | 211 |
| 9.3.3 | Sự loại bỏ | 212 |
| 9.3.4 | Sự cường điệu hóa | 213 |
| 9.3.5 | Đảo lại thứ tự | 213 |
| 9.4 | Sản phẩm cần được điều chỉnh lại | 214 |
| 9.5 | Một ví dụ hoàn chỉnh: Các cửa hàng thép | 215 |
| 10 | Cách thực hiện tiếp thị phá cách | 217 |
| 10.1 | Ba hệ thống của một công ty sáng tạo: Mô hình Gary Hamel | 221 |
| 10.1.1 | Một thị trường ý tưởng | 221 |
| 10.1.2 | Một thị trường vốn | 224 |
| 10.1.3 | Một thị trường tài năng | 224 |
| 10.2 | Bước tiếp theo: Quản lý toàn bộ quá trình | 228 |
| <i>Phụ lục:</i> | <i>Tóm lược những nội dung chính cần nhớ về tiếp thị phá cách</i> | 231 |